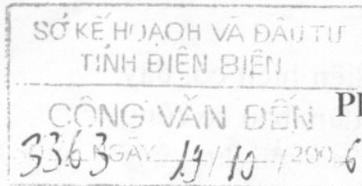


Số: *1156* /QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày *17* tháng 10 năm 2006



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi
tỉnh Điện Biên giai đoạn 2005-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22/7/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung, trình tự, lập thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UB ngày 5/11/2004, Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Điện Biên giai đoạn 2005-2020;

Xét Tờ trình số 423/TTr-SNN ngày 29/6/2006 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc trình phê duyệt Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Điện Biên giai đoạn 2005-2020 và Báo cáo thẩm định số: 518/TĐ-KHĐT-NN ngày 29/9/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Điện Biên giai đoạn 2005-2020 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2005-2020.

2. Phạm vi xây dựng Dự án: Trên địa bàn các huyện, thị và thành phố của tỉnh Điện Biên, với tổng diện tích tự nhiên là 955.409 ha.

3. Một số mục tiêu chủ yếu:

- Đánh giá tiềm năng, những khó khăn thuận lợi và xây dựng phương án quản lý nguồn nước, đầu tư phát triển thủy lợi, nước sinh hoạt, thủy điện và phòng chống thiên tai, ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh có hiệu quả đến năm 2020.

- Đảm bảo nước cho phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt khoảng 220-230 ngàn tấn và đến năm 2020 đạt khoảng 270-280 ngàn tấn.

- Đảm bảo đến năm 2010 có hơn 90% số dân đô thị và 80% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt, đến năm 2020 đạt 100% dân số thành thị và nông thôn được cấp nước sinh hoạt.

- Phát huy tiềm năng phát điện của các công trình thủy điện hiện có, đẩy mạnh việc xây dựng mới các công trình thủy điện trên địa bàn, đảm bảo có công suất lắp máy N_{lm}=74MW, công suất đảm bảo N_{đb}=16MW. Góp phần đưa tỷ lệ số xã phường có điện trong tỉnh đến năm 2007 là 100%, đến năm 2010 có ít nhất có 80% dân số được dùng điện và đến năm 2020 đạt 100%.

- Chủ động thực hiện công tác phòng chống lũ, bảo vệ dân sinh, các cơ sở hạ tầng, diện tích canh tác nông nghiệp và chống xói lở bờ các sông Nậm Rốm, sông Nậm Lay, Nậm Núa, sông Mã, một số điểm có nguy cơ sạt lở, lũ bùn đá và bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ phòng chống ô nhiễm nguồn nước, để đảm bảo chất lượng nước, nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và cho sản xuất.

- Phát triển thủy lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo và nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần củng cố an ninh, chính trị trật tự xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Nhiệm vụ của Dự án:

4.1 Cân bằng nước:

Số TT	Các thông số, chỉ tiêu kỹ thuật	Đ.v.t	L.vực S.Đà	L.vực S.Mã	L.vực M.Kông	Tổng cộng
I	Giai đoạn 2010					
1	Lượng nước đến	106m ³	6.361,770	247,000	1.642,820	8.251,590
2	Lượng nước dùng	106m ³	97,610	43,725	106,630	247,965
3	Lượng nước đi	106m ³	6.264,160	203,275	1.536,190	8.003,625
4	Lượng nước thiếu cục bộ	106m ³		13,108		13,108
II	Giai đoạn 2020					
1	Lượng nước đến	106m ³	6.361,770	247,000	1.642,820	8.251,590
2	Lượng nước dùng	106m ³	137,960	57,800	185,251	381,011
3	Lượng nước đi	106m ³	6.223,810	189,200	1.457,569	7.870,579
4	Lượng nước thiếu cục bộ	106m ³		22,211	1,056	23,267

4.2. Quy hoạch cấp nước tưới:

a. Nhiệm vụ tưới:

Bằng các biện pháp thủy lợi, đảm bảo trên địa bàn toàn tỉnh diện tích hiện có năm 2004 từ 7.130 ha lúa vụ chiêm và 14.137 ha lúa mùa đến năm 2010 là 7.700 ha lúa vụ chiêm và 15.600 ha lúa mùa, đến năm 2020 là 8.500 ha lúa vụ chiêm, 18.500 ha lúa vụ mùa và 17.700 ha màu, cây công nghiệp.

b. Đầu tư xây dựng công trình:

Nâng tổng số công trình thủy lợi được đầu tư kiên cố và xây dựng mới đến năm 2020 là 971 công trình (Gồm 32 hồ chứa nước và 939 công trình thủy lợi), trong đó thực hiện:

- Quản lý vận hành phát huy hiệu quả 800 công trình đã đầu tư xây dựng trong đó 305 công trình đã đầu tư xây dựng kiên cố (gồm 11 hồ chứa nước và 294 công trình thủy lợi) và 495 công trình tạm. Số công trình tạm, dự kiến được kiên cố hóa như sau:

+ Giai đoạn từ năm 2005 - 2010 sẽ đầu tư kiên cố 115 công trình.

+ Giai đoạn từ năm 2011 - 2020 sẽ kiên cố toàn bộ số công trình tạm còn lại là 380 công trình.

- Xây dựng mới (kiên cố) 171 công trình, trong đó:

+ Giai đoạn từ năm 2005 - 2010 sẽ đầu tư 35 công trình (Gồm 07 hồ chứa nước và 28 công trình thủy lợi).

+ Giai đoạn từ năm 2011 - 2020 sẽ đầu tư 136 công trình (Gồm 14 hồ chứa nước và 122 công trình thủy lợi).

- Tăng cường các biện pháp tưới truyền thống khác ở những nơi không có điều kiện, khả năng đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

4.3. Quy hoạch cấp nước dân sinh - công nghiệp:

a. Nhiệm vụ cấp nước:

Đảm bảo nước sinh hoạt và nước sản xuất công nghiệp cho các đô thị và khu vực nông thôn trong tỉnh. Riêng về nước sinh hoạt khu vực nông thôn đảm bảo đến 2010 có 321.143 người/tổng 393.909 người toàn tỉnh và đến 2020 là 427.808 người/tổng 427.808 người toàn tỉnh được cấp nước sạch hoặc nước lọc thô sinh hoạt.

b. Đầu tư xây dựng công trình:

Nâng tổng số công trình nước sinh hoạt tập trung được đầu tư đến năm 2020 lên 1.198 công trình (Gồm 8 nhà máy nước và 1.190 công trình cấp nước tự chảy) trong đó thực hiện:

- Quản lý vận hành phát huy hiệu quả 595 công trình đã đầu tư kiên cố, trong đó 594 công trình cấp nước tập trung tự chảy và 1 nhà máy nước Điện Biên (dự kiến sẽ nâng cấp cải tạo để nâng công suất nhà máy lên 16.000 m³/ngày.đêm -giai đoạn II).

- Xây dựng mới 593 công trình (Gồm 7 nhà máy nước và 586 công trình cấp nước tập trung tự chảy đến năm 2020).

- Tăng cường các biện pháp cấp nước khác (như xây dựng giếng, bể chứa nước...) ở những nơi không có điều kiện, khả năng đầu tư xây dựng công nước sinh hoạt tập trung.

4.4. Quy hoạch thủy điện:

a. Nhiệm vụ cấp điện:

Đảm bảo đến 2010 có sản lượng điện thủy điện đạt 34.886KW, đến 2020 có sản lượng điện thủy điện đạt 92.586KW.

b. Đầu tư xây dựng công trình:

- Nâng tổng số công trình thủy điện hiện nay là 11 đến năm 2020 là 20 công trình, trong đó thực hiện:

+ Quản lý vận hành phát huy hiệu quả 11 công trình thủy điện hiện có.

+ Xây dựng mới 09 công trình thủy điện, trong đó đến 2010 xây dựng mới 04 công trình và đến năm 2020 xây dựng mới 05 công trình.

- Áp dụng các tiến bộ khoa học để phát triển hệ thống thủy điện nhỏ khác, mi ni ở những nơi chưa có điện lưới quốc gia.

4.5. Quy hoạch tiêu úng và phòng chống lũ đến năm 2020:

a. Nhiệm vụ:

- Tiêu thoát lũ, ngập lũ và úng cho các khu dân cư, đất sản xuất, công trình tưới tiêu theo phương thức tự chảy chủ yếu ở một số điểm và một số xã phía Nam lòng chảo Điện Biên như: Noong Luông, Noong Hẹt, Pom Lót, Yên Cang, Sam Mứn, Núa Ngam, Thanh Yên, Thanh An...

- Chinh trị dòng chảy để giúp tiêu thoát nước nhanh và kết hợp với xây dựng các công trình hồ chứa ở thượng nguồn để trữ nước, điều hoà làm giảm bớt lượng dòng chảy của dòng Nậm Rốm và Nậm Núa.

- Phòng chống nguy cơ xuất hiện trượt lở, lũ bùn đá tới cộng đồng dân cư ở các huyện Mường Chà, Mường Nhé, Điện Biên, Thị xã Mường Lay như: Thung lũng Nậm Lùm, Nậm Bum, Nậm He, Nậm Lay, Nậm Lèn, Nậm Mức và hạ lưu Nậm Rốm.

b. Đầu tư xây dựng công trình:

- Công trình giảm lũ cho dòng Nậm Rốm:

Cải tạo nâng cấp hồ Pa Khoang với $Wh=42.10^6 m^3$ và xây dựng mới các công trình hồ chứa như: Nậm Khẩu Hu, hồ Nậm Ngọp, hồ Thẩm Phụng... và tiếp tục kè dòng Nậm Rốm tại khu vực Thành phố Điện Biên Phủ để bảo vệ chống xói lở bờ, bảo vệ dân sinh, bảo vệ các di tích lịch sử khu vực lòng chảo và tạo cảnh quan cho Thành phố.

- Công trình giảm lũ cho dòng Nậm Núa:

+ Khôi thông dòng chảy và kè bảo vệ bờ dài 2 km, thoát lũ cho khu vực Cảnh Ngói và Yên Cang xã Sam Mứn.

+ Xây dựng các hồ chứa giảm lũ lưu vực sông Nậm Núa như: Hồ Bản Ban, hồ Nậm Ngam, hồ Na U, hồ Huổi Hẹ...

- Chống lũ cho khu lưu vực sông thuộc vùng sông Đà: Đầu tư xây dựng kè các khu vực bị xói lở tại Khu vực Thị trấn Mường Chà (huyện Mường Chà) dài 3 km, Khu vực xã Mường Tùng (huyện Mường Chà) dài 6km và khu vực phường Lay Nưa (Thị xã Mường Lay) dài 8km.

- Chống lũ cho khu lưu vực sông Mã: Kè bảo vệ và chống xói lở ở khu dân cư, đất canh tác tại khu vực xã Búng Lao dài 500-600m, xã Chiềng Sinh dài 2 km, Thị trấn Tuần Giáo dài 500m.

- Các biện pháp bảo vệ và giảm thiểu tác hại do lũ quét:

+ Cảnh báo các khu vực có nguy cơ xuất hiện trượt lở, lũ bùn đá tới cộng đồng dân cư ở các huyện Mường Chà, Mường Nhé, Điện Biên, Thị xã Mường Lay như: Thung Lũng Nậm Lùm, Nậm Bum, Nậm He, Nậm Lay, Nậm Lèn, Nậm Mực và hạ lưu Nậm Rốm.

+ Tổ chức kiểm tra, rà soát các vùng trọng điểm thường xảy ra lũ quét hoặc vùng có nguy cơ lũ quét, trượt lở đất. Kiên quyết di dời những hộ dân nằm trong vùng nguy hiểm.

+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn để hạn chế lũ dồn, lũ quét.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về phòng tránh giảm nhẹ thiệt hại của lũ quét.

4.6. Quy hoạch bảo vệ phòng chống ô nhiễm nguồn nước đến năm 2020:

a. Nhiệm vụ:

Lập kế hoạch theo dõi diễn biến ô nhiễm nguồn nước qua các năm, để có các biện pháp, giải pháp xử lý kịp thời đảm bảo chất lượng nước, nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

b. Biện pháp thực hiện:

- Xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để bảo vệ phòng chống ô nhiễm nguồn nước.

5. Vốn và nguồn vốn đầu tư đến năm 2020:

a. Tổng vốn đầu tư: 2.598.870 triệu đồng, trong đó:

- Cấp nước: 2.423.640 triệu đồng.

+ Cấp nước cho nông nghiệp: 2.336.330 triệu đồng.

+ Cấp nước cho sinh hoạt: 187.310 triệu đồng.

- Tiêu úng và phòng chống lũ: 175.230 triệu đồng.

b. Nguồn vốn đầu tư: Bằng nguồn vốn đầu tư của Trung ương, vốn ngân sách của tỉnh và các nguồn vốn khác.

6. Hiệu quả đầu tư của Dự án:

- Đáp ứng nhu cầu cấp nước tưới, cấp nước dân sinh và công nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng thủy điện, đồng thời phòng chống lũ lụt, bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng cũng như bảo vệ môi trường sinh thái.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ quản Dự án: UBND tỉnh Điện Biên.

- Đơn vị trực tiếp quản lý Dự án: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Phối hợp quản lý Dự án: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện thị, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện Dự án: Từ năm 2005 đến năm 2020.

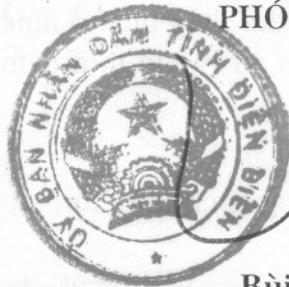
- Dự án quy hoạch này cụ thể hóa định hướng phát triển thủy lợi trong quy hoạch phát kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020. Là cơ sở để triển khai thực hiện quản lý, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, thủy điện, phòng chống lũ lụt và bảo vệ môi trường, nguồn nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp & PTNT;
 - Bộ Kế hoạch & ĐT;
 - Bộ Tài chính;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TTHĐND tỉnh - UBND tỉnh;
 - Lưu VT, NN.
- } (b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Viết Bình